

Số: 06 /2018/NQ-HĐND

An Giang, ngày 19 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định
đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng
nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ
phí;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của
Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 300/TTr-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân
tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng
phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng
nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân
sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng nộp phí:

Tổ chức, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất phải nộp phí theo quy định, trừ các trường hợp được miễn thu phí tại điểm b khoản này.

b) Các trường hợp miễn thu phí:

- Khai thác, sử dụng nước dưới đất phục vụ các hoạt động lâm nghiệp, giao thông thủy, nuôi trồng thủy sản, thể thao, giải trí, du lịch, y tế, an dưỡng, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác không nhằm mục đích kinh doanh.

- Khai thác nước dưới đất từ các công trình thay thế có quy mô không lớn hơn và mực nước hạ thấp nhỏ hơn giới hạn cho phép đã được xác định trong giấy phép, nằm trong khu vực đã được cấp phép.

- Khai thác, sử dụng nước dưới đất với quy mô nhỏ trong phạm vi gia đình.

c) Cơ quan thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Mức thu phí:

a) Mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất như sau:

STT	Đối tượng thu	ĐVT	Mức thu
1	Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới đất $200\text{m}^3/\text{ngày} - \text{đêm}$	đồng/đề án, báo cáo	200.000
2	Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ $200\text{m}^3/\text{ngày} - \text{đêm}$ đến dưới $500\text{m}^3/\text{ngày} - \text{đêm}$	đồng/đề án, báo cáo	550.000
3	Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ $500\text{m}^3/\text{ngày} - \text{đêm}$ đến $1.000\text{m}^3/\text{ngày} - \text{đêm}$	đồng/đề án, báo cáo	1.300.000
4	Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước trên $1.000\text{m}^3/\text{ngày} - \text{đêm}$	đồng/đề án, báo cáo	2.500.000
5	Đề án, báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng dưới $200\text{m}^3/\text{ngày} - \text{đêm}$	đồng/đề án, báo cáo	200.000
6	Đề án, báo cáo kết quả thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng từ 200m^3 đến dưới $500\text{m}^3/\text{ngày} - \text{đêm}$	đồng/đề án, báo cáo	700.000

STT	Đối tượng thu	ĐVT	Mức thu
7	Đề án, báo cáo kết quả thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 500m ³ đến dưới 1.000m ³ /ngày - đêm	đồng/đề án, báo cáo	1.700.000
8	Đề án, báo cáo kết quả thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 1.000m ³ đến dưới 3.000 m ³ /ngày - đêm	đồng/đề án, báo cáo	3.000.000

b) Trường hợp thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung và cấp lại giấy phép (trừ trường hợp khi có sai sót về thông tin do lỗi của cơ quan thu phí): Mức thu phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức phí tại điểm a khoản này.

4. Quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất:

a) Đơn vị thu phí được để lại 80% (tám mươi phần trăm) trên tổng số tiền phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất thu được để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ.

b) Số tiền còn lại 20% (hai mươi phần trăm) nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Trách nhiệm của cơ quan thu phí:

a) Tổ chức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh theo đúng tinh thần Nghị quyết này.

b) Niêm yết và thông báo công khai mức thu phí tại địa điểm thu, khi thu phí phải cấp biên lai thu cho đối tượng nộp phí theo quy định, đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng và quyết toán biên lai thu theo quy định hiện hành.

c) Mở sổ sách kế toán để theo dõi, phản ánh việc thu, nộp, quản lý và sử dụng số tiền phí thu được theo chế độ hiện hành.

d) Tổng hợp báo cáo tình hình thu phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh theo quy định.

6. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Phí và lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

De

12

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2018 và thay thế quy định về phí thăm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Chương IV Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh. / *ABE*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: TU, HĐND, UBND và UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực: HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang, Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Ng.

